

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 24/02/2025
V/v tranh chấp "Chia tài sản chung
sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông Trần Văn Đạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 2 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Duy C, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ A ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Luật sư Trần Thanh H – Văn phòng luật sư Trần Thanh H thuộc đoàn luật sư tỉnh T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Phạm Duy C.

- *Bị đơn:* Trần Thị T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: tổ A ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, Tiền Giang.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 11/9/2023).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Duy T1, sinh năm 1996 (Có mặt).

2. Phạm Thị Cẩm M, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3. Ngô Quốc H2, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Đoàn Văn H3, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Phạm Duy C, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn H1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Quốc H2, Kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Duy C trình bày: Ông và Trần Thị T là vợ chồng tổ chức lễ cưới năm 1991 và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/09/2002. Trong thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất hòa. Ngày 11 tháng 07 năm 2017 Tòa án giải quyết cho ông và Trần Thị Thanh ly H4 theo bản án số 393/2017/HNGĐ-ST ngày 11/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Về tài sản chung: Thừa đất 989, tờ bản đồ số 01, diện tích 935m² loại đất HNK do Trần Thị T đứng tên, địa chỉ thửa đất ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên thửa đất có căn nhà: Xung quanh xây tường, mái tôn, nền gạch, trần đóng la phong, diện tích khoảng 200m², tài sản sinh hoạt gia đình gồm: 01 bộ ván thao lao 3 tấm, 01 tủ kiếng, 01 tivi 21 inch, 01 tủ đựng thức ăn, 02 bàn tròn, 20 ghế nhựa, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bồn đựng nước giá trị toàn bộ tài sản tạm tính khoảng 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) các tài sản này chưa chia và vợ chồng cũng không thỏa thuận được.

Nay ông làm đơn này yêu cầu Tòa án yêu cầu giải quyết: Chia toàn bộ tài sản nêu trên cho ông và Trần Thị T mỗi người 1/2 tài sản. Về nhà ông xin nhận giá trị, về đất ông xin nhận đất phía không có nhà, về tài sản sinh hoạt gia đình ông xin nhận gồm: 01 bộ ván, 01 tủ đồ ăn, 01 bàn tròn, 07 ghế nhựa, 01 tủ lạnh và 01 bồn đựng nước. Ông đồng ý để lại cho bà T 01 tủ kiếng, 01 ti vi kèm tủ chứa, 01 máy giặt, 01 bàn tròn và 07 ghế nhựa.

Ông và Trần Thị T, ai nhận tài sản có giá trị cao hơn thì phải hoàn lại tiền chênh lệch cho người nhận có giá trị thấp hơn để đảm bảo việc chia tài sản giữa ông và Trần Thị Thanh N bằng không ai hơn ai.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Duy C trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo bản án số 393/2017/HNGĐ-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo đó về tài sản chung thì bà và ông Cẩm T2 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung của bà và ông C là diện tích đất khoảng 1.000m², tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do hộ ông Phạm Duy C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên thửa đất có căn nhà cấp 4 cùng công trình trên đất. Đối với thửa đất số 989, tờ bản đồ số 01, diện tích 935m², tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang mà ông C yêu cầu chia là tài sản riêng của bà T, do mẹ ruột bà cho tiền bà mua vào khoảng năm 1994. Đến khoảng năm 2018, bà tặng cho thửa đất này cho con trai là anh Phạm Duy T1, đến năm 2020, anh T1 tặng cho lại thửa đất trên cho bà T. Đối với căn nhà trên thửa đất 989 mà ông C yêu cầu chia thì được xây dựng khoảng năm 2014, giá trị căn nhà có sự đóng góp của các con là Phạm Thị Cẩm M, sinh năm 1993 và Phạm Duy T1, sinh năm 1996, cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, riêng ông C không đóng góp gì. Hiện nay, bà và các con đang sống trong căn nhà này. Tài sản chung là các vật dụng trong nhà bao gồm: 01 bộ ván, 01 ti vi 19 inch, 10 ghế nhựa, 02 bàn tròn, 01 tủ lạnh, 01 bồn đựng nước.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy C thì bà có ý kiến như sau: Đối với yêu cầu chia vật dụng của ông C, bà T không đồng ý do các tài sản vật dụng trong nhà toàn bộ đều do bà mua, là tài sản riêng của bà. Bà không đồng ý chia tài sản đối với thửa đất 989 tờ bản đồ số 1 diện tích 935m² cùng căn nhà gắn liền trên đất. Do đất là tài sản riêng của bà. Tiền xây dựng các công trình trên đất là do bà T và 2 con là anh T1, chị M cùng đóng góp.

Trước đây bà có yêu cầu phản tố, yêu cầu chia thửa đất 970,8m² thuộc thửa 2631 tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 23993 cấp cho hộ ông Phạm Duy C, tuy nhiên bà chưa nộp tạm ứng án phí, trong quá trình giải quyết vụ án bà xin rút lại yêu cầu này.

Người làm chứng ông Đoàn Văn H3 trình bày: Đối tượng mà các bên đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn này là thửa đất số 989; Tờ bản đồ số 01; Diện tích: 935m²; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CS01850, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/3/2020 cho bà Trần Thị T (Vợ cũ của ông Phạm Duy C).

Trước đây, ông là chủ sử dụng thửa đất số 989 hiện tại do bà T đứng tên nói trên. Vào khoảng năm 1993, ông có chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này

cho ông Phạm Duy C và bà Trần Thị T. Vào thời điểm đó, để tiến tới việc mua, bán đất, ông và ông C đã nhiều lần giao dịch mua, bán và mặc cả với nhau. Ông chuyển nhượng toàn bộ thửa đất với giá 12 chỉ vàng 24kara.

Do tại thời điểm chuyển nhượng trên đất ông đang trồng hành (Hoa màu), nên ông và ông C cùng thỏa thuận: Đồng thời với việc bán đất giá 12 chỉ vàng 24kara, ông đồng ý bán luôn toàn bộ số hành đang trồng trên đất cho ông C với giá tiền là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Khoảng đầu tháng 3 năm 1993, ông C là người trực tiếp chong vàng chuyển nhượng đất cho ông, bao gồm: 04 khâu vàng mỗi khâu 02 vàng 24 kara và 04 khâu vàng mỗi khâu 01 chỉ vàng 24 kara, tổng cộng là 12 chỉ vàng 24 kara;

- Khoảng một tuần lễ sau, kể từ ngày chong vàng mua đất, ông C tiếp tục chong 250.000 đồng, tiền mua lại số hành trồng trên đất cho ông. Do là chỗ quen biết nên việc chong vàng và tiền, ông không lập biên nhận. Liên sau đó, ông đã giao toàn bộ thửa đất và hoa màu trên đất cho vợ, chồng ông C, bà Thanh quân L, sử dụng.

Ông khẳng định: Tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoa màu đang trồng trên đất nói trên, ông Phạm Duy C là người trực tiếp giao dịch chong vàng, tiền cho ông. Lúc đó, ông Phạm Duy C1 là và bà Trần Thị T đang là vợ chồng, ông có dự lễ cưới của họ và họ cũng đã có con chung. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biến động đất đai đối với thửa đất đã bán đó như thế nào ông không biết.

Ông cam đoan lời khai trên là sự thật và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Duy C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm có Thửa đất 989, tờ bản đồ số 01, diện tích 935m² loại đất HNK do Trần Thị T đứng tên, địa chỉ thửa đất ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên thửa đất có căn nhà: Xung quanh xây tường, mái tôn, nền gạch, trần đóng la phong, diện tích khoảng 200m², tài sản sinh hoạt gia đình gồm: 01 bộ ván thao lao 3 tấm, 01 tủ kiếng, 01 tivi 21 inch, 01 tủ đựng thức ăn, 02 bàn tròn, 20 ghế nhựa, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bồn đựng nước.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Phạm Duy C phát biểu quan điểm: Tài sản ông C yêu cầu chia giữa ông C với bà T là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Duy C.

Bị đơn bà Trần Thị T không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của ông C, bà T cho rằng tài sản ông C yêu cầu chia là tài sản riêng của bà T.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Duy T1 và Phạm Thị Cẩm M có đơn xin vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Quốc H2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 227/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang áp dụng các Điều 28,35, 39, 146, 246, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Duy C.

2. Giao ông Phạm Duy C được quyền sử dụng 500,3m² đất phần S1 thuộc thửa đất số 989 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01850 ngày ngày 23/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Thị T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

- + Đông giáp thửa đất 986.
- + Tây giáp đường tổ 15-1.ấp L.
- + Nam giáp thửa đất 989 của Trần Thị T.
- + Bắc giáp thửa đất 2826 và 2828. (Có sơ đồ kèm theo)

Ông C được quyền sở hữu tài sản trên phần đất S1 bao gồm 31,94m² hàng rào, 14 cây nhãn loại B1, 01 cây nhãn loại C, 21 cây dừa loại C, 01 cây ổi loại D, 01 cây tắc (H1) loại D, 01 bộ ván thao lao 3 tấm, 01 tủ đựng thức ăn, 01 bàn tròn inox, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 bồn đựng nước 1.000 lít bằng nhựa, 07 ghế nhựa.

3. Giao bà Trần Thị T được quyền sử dụng 526,7m² đất phần S2 thuộc thửa đất số 989 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01850 ngày ngày 23/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho

bà Trần Thị T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

- + Đông giáp thửa đất 986.
- + Tây giáp đường tổ 15-1.ấp L.
- + Nam giáp thửa đất 988.
- + Bắc giáp thửa đất ông C được chia. (Có sơ đồ kèm theo)

Bà T được quyền sở hữu căn nhà và tài sản trên phần diện tích S2 bao gồm 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 tủ áo, 01 tivi kèm tủ gỗ (Tủ chứa tivi), 01 bàn tròn mặt đá mài chân gỗ, 07 ghế nhựa.

Bà Trần Thị T có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin và diện tích đất phù hợp với diện tích được chia.

Ông Phạm Duy C và bà Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Duy C giá trị tài sản chung là 158.865.117 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn Phạm Duy C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa một phần bản án số 227/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07 tháng 10 năm 2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa toàn bộ bản án số 227/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Quốc H2 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Hủy toàn bộ bản án số 227/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Quyết định 06/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Hủy toàn bộ bản án số 227/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Phạm Duy C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, bị đơn Nguyễn Văn H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên Quyết định 06/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Phạm Duy C phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm như yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Duy C.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của các đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Quốc H2 và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; Hủy án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Phạm Duy C, Nguyễn Văn H1, Ngô Quốc H2, Quyết định 06/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm như sau: Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 12/12/2022 không có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngô Quốc H2, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (sau đây gọi tắt là anh Ngô Quốc H2). Do ngày 11/11/2022 bà Trần Thị Thanh C2 thế chấp cho anh Ngô Quốc H2 thửa đất số 989 để vay số tiền 1.500.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng thế chấp, được Văn phòng C3 chứng thực vào ngày 11/11/2022 nên phải đưa anh Ngô Quốc H2 vào tham gia tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo đưa người tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Quốc H2 nhưng đến ngày 09/9/2023 Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp

tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải có tên anh Ngô Quốc H2 (Bút lục số 142a), sau đó ban hành các văn bản tố tụng tiếp theo có tên anh Ngô Quốc H2 nhưng đều không có văn bản tổng đạt cho anh Ngô Quốc H2.

Tại Biên bản v/v giao nhận văn bản tố tụng ngày 29/8/2024 (Bút lục 192) niêm yết công khai văn bản tố tụng là giấy triệu tập và Quyết định xét xử số 2082/2024 và Biên bản v/v giao nhận văn bản tố tụng ngày 13/9/2024 (Bút lục 197) niêm yết công khai văn bản tố tụng là Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh Ngô Văn H5, sinh năm 1980, địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang là không đúng. Do đó, anh Ngô Quốc H2, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang không đến Tòa án cấp sơ thẩm để dự phiên tòa nên sau khi Tòa án sơ thẩm xử anh đã có đơn kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm vì anh không có nhận văn bản tố tụng nào của Tòa án và anh đồng thời cũng có khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã có Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS ngày 14/10/2024 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì Tòa sơ thẩm tổng đạt sai như đã nêu trên.

Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng như đã nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh Ngô Quốc H2 nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên hoàn lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định 06/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

2. Hủy toàn bộ bản án số 227/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

3. H6 lại anh Ngô Quốc H2 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0012037 ngày 05/11/2024; H6 lại chị Trần Thị T 300.000 tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0011870 ngày

07/10/2024; H6 lại anh Phạm Duy C 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0011929 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Doan